

DOI: <https://doi.org/10.59294/HIUJS.24.2023.324>

Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8 năm 2019

Phùng Đức Truyền¹, Nguyễn Thị Hường¹,
Nguyễn Thị Ánh Nguyệt¹, Nguyễn Thị Mai¹ và Nguyễn Thị Thu Thoa²

¹Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ²Trường Đại học Dược Hà Nội

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Để nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc, tiết kiệm chi phí trong cung ứng thuốc, phân tích danh mục thuốc là hết sức cần thiết nhằm xác định những bất cập còn tồn tại trong sử dụng thuốc, từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất giúp cơ quan ban hành chính sách xây dựng danh mục thuốc hợp lý. **Mục tiêu nghiên cứu:** Phân tích danh mục thuốc được sử dụng tại Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8 năm 2019. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang dựa trên hồi cứu danh mục thuốc đã được sử dụng tại phòng khám từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019. **Kết quả và bàn luận:** Có 346 danh mục được sử dụng năm 2019 tại phòng khám với thuốc tân dược chiếm 88.44%, thuốc đông y chiếm 11.56%. Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn có 73 danh mục cao nhất là nhóm beta-lactam, cụ thể là nhóm cephalosporin (17 SKM). Phần lớn phòng khám sử dụng thuốc sản xuất trong nước với 326 khoản mục và dùng theo đường uống với 299 khoản mục. Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn sử dụng theo đường tiêm - tiêm truyền, nhóm thuốc đứng thứ nhất là nhóm quinolon (3 SKM). **Kết luận:** Phân tích danh mục thuốc tại phòng khám gồm 346 SKM với tổng GTSD hơn 7,22 tỷ VND với thuốc tân dược chiếm phần lớn.

Từ khóa: thuốc tân dược, thuốc đông y, danh mục thuốc, giá trị sử dụng (GTSD)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình hoạt động của các cơ sở y tế, thuốc có vai trò trong việc điều trị cho người bệnh. Việc sử dụng thuốc không hiệu quả làm tăng đáng kể chi phí, tăng tính kháng thuốc, giảm chất lượng điều trị, chăm sóc sức khỏe và uy tín của cơ sở khám chữa bệnh. Hiện nay, thị trường thuốc phát triển liên tục với sự đa dạng về nhóm thuốc, dạng bào chế và nhà cung cấp gây không ít khó khăn cho các nhà ban hành chính sách tại các bệnh viện, phòng khám trong việc lựa chọn sử dụng. Phòng khám quân dân y kết hợp Trường Cao đẳng nghề số 8 có nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong trường và thực hiện khám, chữa bệnh phục vụ nhân dân. Một trong những nhiệm vụ quan trọng có ảnh hưởng lớn đến chất lượng chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong nhà trường và nhân dân đó là hoạt động cung ứng thuốc “đầy đủ, hợp lý, kịp thời và bảo đảm chất lượng”. Trong đó, hoạt động

lựa chọn, xây dựng danh mục thuốc là hoạt động đầu tiên trong quy trình cung ứng thuốc, là cơ sở để mua sắm, tồn trữ và sử dụng thuốc tại phòng khám. Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc, tiết kiệm chi phí trong việc cung ứng thuốc, đề tài tiến hành nghiên cứu: “Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8 năm 2019”.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Danh mục thuốc sử dụng tại phòng khám từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019.

- Địa điểm nghiên cứu: Phòng khám Quân dân y - Trường Cao đẳng nghề số 8.

- Thời gian nghiên cứu: từ 7/2020 đến 11/2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang, hồi cứu

Tác giả liên hệ: TS. Phùng Đức Truyền
Email: phungductruyen@gmail.com

danh mục thuốc đã được sử dụng tại phòng khám từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019.

Phương pháp thu thập số liệu: sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu từ nguồn tài liệu sẵn có: danh mục thuốc đã sử dụng tại phòng khám, kinh phí mua thuốc, số liệu từ phần mềm quản lý phòng khám.

Các thông tin thu thập: tên thuốc, tên hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, đường dùng, đơn vị tính, số lượng sử dụng, đơn giá, thành tiền, nước sản xuất, nhóm tác dụng dược lý.

Cỡ mẫu nghiên cứu: tất cả 346 thuốc tân dược, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu đã được sử dụng năm 2019 tại phòng khám.

Các biến số nghiên cứu: phân tích cơ cấu danh mục thuốc đã sử dụng tại phòng khám theo

thuốc tân dược, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu, theo tác dụng dược lý, theo nguồn gốc, xuất xứ, theo đường dùng.

Xử lý và phân tích số liệu: tính tổng số khoản mục (SKM), giá trị sử dụng (GTSD) từng biến số sau đó dùng phương pháp tỷ trọng để tính tỷ lệ phần trăm giá trị có được bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ cấu thuốc theo nguồn gốc tân dược, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BYT [1] và 05/2015/TT-BYT [2], phân loại các thuốc sử dụng tại phòng khám theo thuốc tân dược, thuốc chế phẩm y học cổ truyền (YHCT) bao gồm thuốc đông y và thuốc dược liệu. Kết quả được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Cơ cấu thuốc theo nguồn gốc tân dược, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu

STT	Nhóm thuốc	SKM		GTSD	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc tân dược	306	88.44	4,962,019,744	68.68
2	Thuốc chế phẩm YHCT	40	11.56	2,263,145,221	31.32
	Tổng cộng:	346	100.00	7,225,164,965	100.00

Ghi chú: SKM: số khoản mục; GTSD: giá trị sử dụng; YHCT: y học cổ truyền

Trong 346 khoản mục với tổng GTSD có giá trị 7,225,164,965 VND được sử dụng tại phòng khám năm 2019, kết quả ghi nhận nhóm thuốc tân dược sử dụng gồm 306 khoản mục, chiếm 88.44% tương ứng với 4,962,019,744 VND, chiếm 68.68% trong tổng GTSD. Nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu chiếm 11.56% SKM và

31.32% GTSD.

3.2. Cơ cấu danh mục thuốc theo nhóm tác dụng dược lý

Căn cứ theo Thông tư 30/2018/TT-BYT [1], các thuốc sử dụng tại phòng khám được chia theo nhóm tác dụng dược lý với kết quả với kết quả được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý

STT	Nhóm tác dụng dược lý	SKM		GTSD	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc tân dược	306	76.59	4,962,019,744	68.68
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	73	21.10	2,654,358,427	36.74
2	Thuốc tim mạch	31	8.96	121,416,900	1.68
3	Thuốc đường tiêu hóa	37	10.69	210,106,468	2.91
4	Thuốc giảm đau hạ sốt chống viêm, điều trị gút và các bệnh cơ xương khớp	44	12.72	301,205,189	4.17
5	Thuốc Hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	16	4.62	136,941,096	1.90
6	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng Acid-Base và các dung dịch tiêm truyền khác	4	1.16	319,611,700	4.42
7	Thuốc điều trị bệnh mắt và tai mũi họng	12	3.47	138,514,152	1.92

8	Khoáng chất và Vitamin	29	8.38	471,687,042	6.53
9	Thuốc chống rối loạn tâm thần	19	5.49	420,718,792	5.82
10	Thuốc điều trị da liễu	6	1.73	42,591,060	0.59
11	Thuốc chống dị ứng	12	3.47	27,298,276	0.38
12	Thuốc tác dụng với máu	5	1.45	18,016,900	0.25
13	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	4	1.16	54,436,592	0.75
14	Thuốc lợi tiểu	3	0.87	10,638,480	0.15
15	Thuốc gây tê, mê	2	0.58	1,251,300	0.02
16	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	9	2.60	33,227,370	0.46
II	Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	40	11.56	2,263,145,221	31.32
1	Nhóm thuốc chữa các bệnh về âm, về huyết	8	2.31	411,039,169	5.69
2	Nhóm thuốc nhuận tràng, tả hạ, tiêu thực, bình vị, kiện tì	8	2.31	163,706,534	2.27
3	Nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy	8	2.31	223,119,400	3.09
4	Nhóm thuốc khu phong trừ thấp	6	1.73	622,118,146	8.61
5	Nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm	2	0.58	93,957,616	1.30
6	Nhóm thuốc chữa các bệnh về phế	3	0.87	810,600	0.01
7	Nhóm thuốc chữa các bệnh về Dương, về Khí	3	0.87	666,214,240	9.22
8	Nhóm thuốc chữa bệnh về ngũ quan	1	0.29	81,806,460	1.13
09	Nhóm dùng ngoài	1	0.29	373,056	0.01
	Tổng cộng 25 nhóm	346	100	7,225,164,965	100

Ghi chú: SKM: số khoản mục; GTSD: giá trị sử

Từ Bảng 2 cho thấy danh mục thuốc được sử dụng với 16 nhóm thuốc tân dược, 09 nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu.

Nhóm thuốc tân dược gồm 306 SKM tương ứng 4,962,019,744 VND GTSD, trong đó:

- + Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn có SKM và GTSD nhiều nhất với 73 SKM (21.10%) và GTSD 2,654,358,427 VND (36.74%). Điều này cho thấy nhóm thuốc có số lượng đa dạng tạo thuận lợi cho bệnh nhân đến điều trị nhưng cũng gây ra khó khăn cho phòng khám vì phải cung ứng nhiều mặt hàng liên quan đến lựa chọn, mua sắm và bảo quản, cấp phát.
- + Nhóm thuốc giảm đau hạ sốt chống viêm, điều trị gút và các bệnh cơ xương khớp có SKM và GTSD nhiều thứ hai với 44 SKM (12.72 %) và GTSD 301,205,189 VND (4.17%), điều này hoàn toàn tương ứng với mô hình bệnh tật (MHBT) tại Phòng

khám dân quân Y.

- + Nhóm thuốc đường tiêu hóa với 37 SKM và GTSD có giá trị 210,106,468 VND, cũng hoàn toàn tương ứng với MHBT tại Phòng khám dân quân Y. Do khu vực phòng khám gần ngay khu công nghiệp 2 Biên Hòa - VND Nai cho nên tỷ lệ công nhân mắc các bệnh về đường tiêu hóa có xu hướng ngày càng tăng.
- + Trong nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu: nhóm thuốc chữa các bệnh về âm, về huyết, nhóm thuốc nhuận tràng, tả hạ, tiêu thực, bình vị, kiện tì, nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy chiếm 24 SKM (6.93%) với GTSD 797,865,103 VND tương ứng với MHBT tại tại Phòng khám dân quân Y.

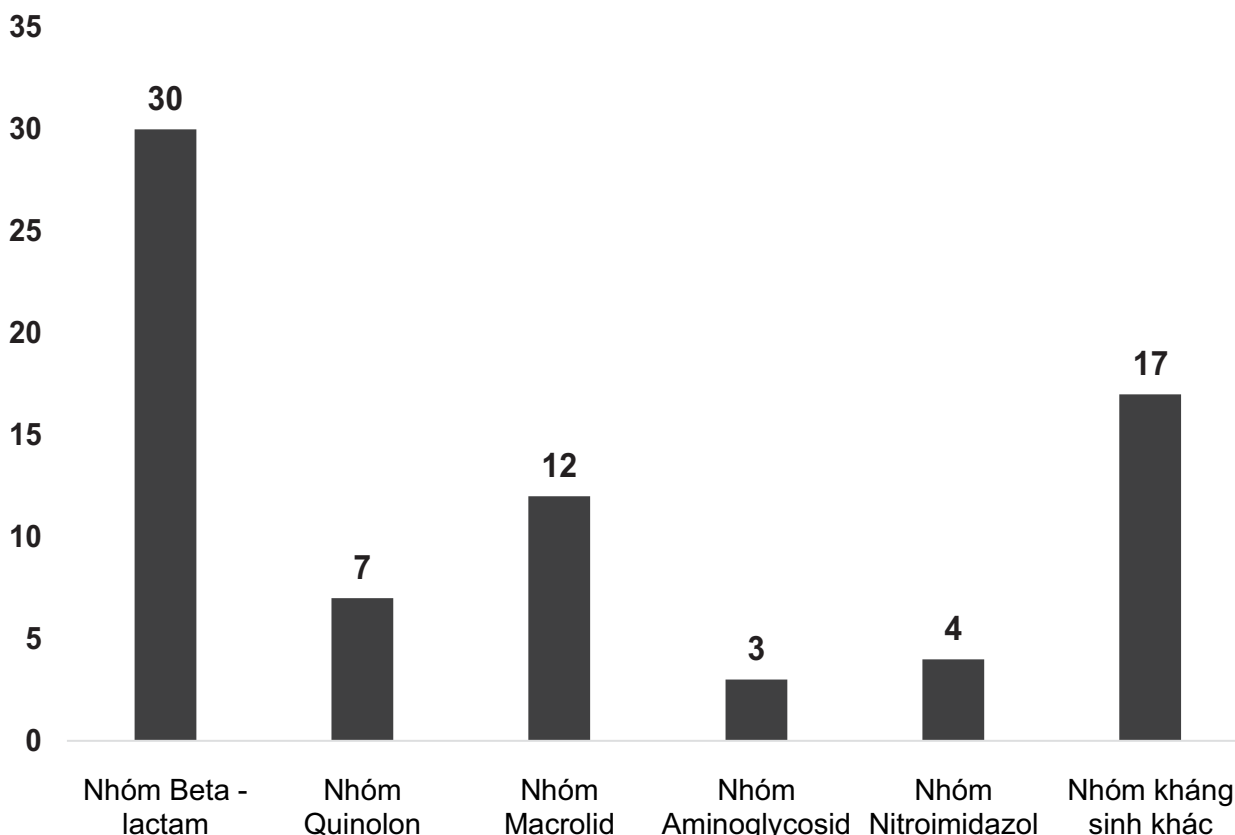
Phân tích cụ thể các thuốc thuộc nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn thu được kết quả trong Bảng 3.

Bảng 3. Cơ cấu nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn

STT	Nhóm thuốc	SKM		GTSD	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm Beta - lactam	30	41.10	1,044,591,168	39.35
2	Nhóm Quinolon	7	9.59	769,810,104	29.00
3	Nhóm Macrolid	12	16.44	215,034,916	8.10

4	Nhóm Aminoglycosid	3	4.11	459,313,960	17.30
5	Nhóm Nitroimidazol	4	5.48	5,983,348	0.23
6	Nhóm kháng sinh khác	17	23.29	159,624,931	6.01
	Tổng cộng	73	100.00	2,654,358,427	100.00

Ghi chú: SKM: số khoản mục; GTSD: giá trị sử dụng; YHCT: y học cổ truyền



Hình 1. Cơ cấu nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn

Trong nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn được sử dụng, nhóm thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm beta-lactam với GTSD có giá trị 1,044,591,168 VND, chiếm 39.35% trong tổng GTSD nhóm thuốc điều trị

ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn.

Phân tích cơ cấu thuốc nhóm Beta-lactam sử dụng tại phòng khám, kết quả ghi nhận được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Cơ cấu nhóm kháng sinh Beta-lactam sử dụng tại Phòng khám

STT	Nhóm thuốc	SKM		GTSD	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc nhóm Cephalosporin	17	56.67	748,700,228	71.67
	Cephalosporin thế hệ 1	2	6.67	64,986,600	6.22
	Cephalosporin thế hệ 2	8	26.67	378,475,836	36.23
	Cephalosporin thế hệ 3	7	23.33	305,237,792	29.22
2	Thuốc nhóm Penicillin	13	43.33	295,890,940	28.33
	Tổng cộng	30	100	1,044,591,168	100

Ghi chú: SKM: số khoản mục; GTSD: giá trị sử dụng

Trong nhóm thuốc kháng sinh Beta-lactam, nhóm cephalosporin có GTSD bằng 748,700,228 VND, chiếm tỷ lệ cao nhất (71.67%) trong tổng GTSD nhóm thuốc kháng sinh Beta-lactam tại phòng khám năm 2019. Trong đó, cephalosporin thế hệ 2 được sử dụng nhiều nhất tại phòng khám trong các thuốc kháng sinh cephalosporin

với 47.06% SKM và 378,475,836 VND về GTSD. Đứng thứ 2 là nhóm cephalosporin thế hệ 3 với 41,18% số SKM và 305,237,792 VND về GTSD.

3.3. Cơ cấu thuốc theo nguồn gốc, xuất xứ
 Kết quả phân tích cơ cấu danh mục thuốc theo nguồn gốc, xuất xứ được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. Cơ cấu thuốc sản xuất trong nước và thuốc nhập khẩu sử dụng tại Phòng khám

STT	Nguồn gốc xuất xứ	SKM		GTSD	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc sản xuất trong nước	326	94.22	5,656,199,266	78.28
2	Thuốc nhập khẩu	20	5.78	1,568,965,699	21.72
Tổng cộng		346	100.00	7,225,164,965	100.00

Ghi chú: SKM: số khoản mục; GTSD: giá trị sử dụng

Thuốc sản xuất trong nước có 326 SKM (94,22%) với tổng GTSD bằng 5,656,199,266 VND (78.28%), thuốc nhập khẩu có 20 SKM (5,78%), tổng GTSD bằng 1,568,965,699 VND (21.72%).

3.4. Cơ cấu danh mục thuốc theo đường dùng
 Kết quả phân tích cơ cấu danh mục thuốc theo đường dùng được trình bày trong Bảng 6.

Bảng 6. Cơ cấu thuốc theo đường dùng sử dụng tại Phòng khám

STT	Nhóm thuốc	SKM		GTSD (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
1	Đường uống	299	86.42	4,492,926,026	62.18
2	Đường tiêm-truyền	24	6.94	2,488,286,455	34.44
3	Đường khác	23	6.65	243,952,484	3.38
Tổng cộng:		346	100	7,225,164,965	100

Ghi chú: SKM: số khoản mục; GTSD: giá trị sử dụng; YHCT: y học cổ truyền

Tỷ lệ số lượng thuốc dùng theo đường uống chiếm chủ yếu về SKM lẫn GTSD với 299 khoản mục (86.42%), và tổng giá trị sử dụng 4,492,926,026 VND, chiếm 62.18%. Thuốc dùng theo đường tiêm, tiêm truyền với 24 SKM (6,94%), tổng giá trị sử dụng 2,488,286,455 VND, chiếm 34.44%. Các thuốc dùng theo đường khác chỉ có 23 SKM (6.65%) tương ứng tổng giá trị sử dụng 243,952,484 VND, chiếm 3.38%. Điều này

cho thấy phòng khám đã sử dụng quá nhiều số lượng thuốc theo đường tiêm/tiêm truyền mặc dù chỉ có 24 SKM.

3.5. Cơ cấu danh mục thuốc tiêm truyền theo tác dụng dược lý được sử dụng nhiều tại phòng khám
 Kết quả phân tích cơ cấu thuốc tiêm - truyền theo tác dụng dược lý đã sử dụng được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 7. Cơ cấu thuốc tiêm truyền theo tác dụng dược lý sử dụng tại phòng khám

STT	Nhóm thuốc	SKM		GTSD (VND)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
1	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác	3	12.6	289,982,900	11.7
2	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	11	45.9	1,689,625,235	67.9

3	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid; thuốc điều trị gút và các bệnh xương khớp	1	4.18	29,688,200	1.19
4	Thuốc tác động lên hệ tạo máu	3	12.6	13,691,500	0.55
5	Khoáng chất và vitamin	2	8.33	155,814,120	6.26
6	Thuốc chống rối loạn tâm thần	2	8.33	308,233,200	12.4
7	Thuốc tê - mê	2	8.33	1,251,300	11.7
	Tổng cộng:	24	100	2,488,286,455	100

Ghi chú: SKM: số khoản mục; GTSD: giá trị sử dụng

Số lượng thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn đứng thứ nhất chiếm 11 khoản mục với tổng GTSD 11,689,625,235 VND (67.9%); thứ hai là nhóm thuốc chống rối loạn tâm thần với GTSD 308,233,200 VND (12.4%) và thứ ba là nhóm dung dịch điều chỉnh nước,

điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác chiếm tỷ lệ 11.7% về GTSD. Phân tích cơ cấu cụ thể các thuốc thuộc nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn theo đường tiêm - tiêm truyền đã sử dụng, kết quả được trình bày trong Bảng 8.

Bảng 8. Cơ cấu nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn theo đường tiêm - tiêm truyền sử dụng tại Phòng khám

STT	Nhóm thuốc	SKM		GTSD	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Thuốc nhóm Beta- lactam	5	45.5	511,752,560	30.29
2	Thuốc nhóm Anthracycline	1	9.1	41,134,275	2.43
3	Thuốc nhóm Quinolon	3	27.3	686,187,600	40.61
4	Thuốc nhóm Aminoglycosid	2	18	450,550,800	26.67
	Tổng cộng:	11	100	1,689,625,235	100

Trong nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn được sử dụng theo đường tiêm - tiêm truyền, nhóm thuốc đứng thứ nhất là nhóm Quinolon với GTSD 686,187,600 VND, chiếm tỷ lệ 40.61% trong tổng GTSD. Nhóm thứ hai là nhóm Beta lactam với tỷ lệ 30.29% GTSD. Nhóm thứ 3 là nhóm Aminoglycosid có tỷ lệ 26.67% GTSD.

4. BÀN LUẬN

Để xây dựng lựa chọn danh mục thuốc, Phòng khám đã căn cứ vào danh mục thuốc sử dụng thuốc của năm trước, danh mục thuốc chủ yếu do Bộ Y tế ban hành, mô hình bệnh tật, các phác đồ điều trị của các khoa lâm sàng, tình hình điều trị và nhu cầu thực tế; và kinh phí dành cho thuốc của đơn vị.

Danh mục thuốc được sử dụng tại Phòng khám năm 2019 gồm 346 danh mục với thuốc tân dược có 306 danh mục chiếm 88.44%, GTSD chiếm 68.68%. Số lượng thuốc đông y, thuốc từ dược liệu 40 danh mục chiếm

11.56%, GTSD chiếm 31.32%. Nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu là những thuốc có thể dùng phối hợp với thuốc tân dược trong kê đơn ngoại trú đối với những trường hợp bệnh thông thường. Điều này dẫn đến nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu tăng cao, mặt khác các thuốc này sử dụng đường uống, giá thành cao nên kinh phí sử dụng cao. Giá trị sử dụng thuốc đông y, thuốc từ dược liệu của Phòng khám cao hơn của Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi, TP Hồ Chí Minh 2.04% về GTSD [3], cao hơn Trung tâm y tế huyện Pác Nặm 20.88% về GTSD [4]. Việc sử dụng nhóm thuốc có SKM và GTSD như trên là chưa hợp lý vì nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu chỉ có tác dụng hỗ trợ điều trị. Nguyên nhân là do trước đây được sử dụng một số thuốc bổ gan, vitamin, ... nhưng hiện nay theo quy định Thông tư 30/2018/TT-BYT không được thanh toán, do vậy Phòng khám đã thay thế bằng các thuốc đông y, thuốc từ dược liệu. Mặt khác do số lượng bệnh nhân của Phòng khám chủ yếu

là bệnh nhân cao tuổi nên bác sĩ kê toa những thuốc bổ trợ có nguồn gốc thảo dược.

Cơ cấu nhóm thuốc điều trị gồm: 16 nhóm thuốc tân dược, 08 nhóm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu. Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm tỷ lệ cao nhất với 73 danh mục, giá trị sử dụng 2,654,358,427 VND, chiếm 36.74% tổng GTSD. Tỷ lệ nhóm thuốc này cao hơn so với Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm với 100 KM, chiếm 20,97 % GTSD [4]. Nhóm thuốc giảm đau hạ sốt chống viêm, điều trị gút và các bệnh cơ xương khớp đứng thứ hai là 44 danh mục với GTSD là 301,205,189 VND chiếm 4.17% tổng GTSD. Tỷ lệ nhóm thuốc này thấp hơn so với Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm với 50 danh mục, chiếm 6.22 % GTSD và BV đa khoa khu vực Cù Chi với 35 danh mục chiếm 6,54% về GTSD [3]. Nhóm thuốc đường tiêu hóa với 37 danh mục, có giá trị sử dụng 210,106,468 VND, chiếm 2.91%, điều này hoàn toàn tương ứng với mô hình bệnh tật tại Phòng khám Quân dân y. Tỷ lệ nhóm thuốc này thấp hơn so với Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang với 30 danh mục, chiếm 4,69% GTSD [5], và Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang với 20 danh mục, chiếm 5,31% GTSD [6]. So sánh với các nghiên cứu khác, tỷ lệ sử dụng kháng sinh tại Phòng khám cao hơn nhiều so với Bệnh viện Quân Y 4/ Quân khu 4 năm 2018 với 60 danh mục chiếm 17,8% GTSD, cao hơn Bệnh viện Đa khoa Cù Chi năm 2018 là 101 danh mục với GTSD (27,77%) [3]. Sử dụng kháng sinh luôn là một vấn đề được quan tâm đặc biệt tại các bệnh viện, việc tập trung một tỷ lệ lớn thuốc cũng như kinh phí sử dụng cho nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn là do nhu cầu điều trị một tỷ lệ lớn các bệnh nhiễm trùng, bệnh về hô hấp trong mô hình bệnh tật của Việt Nam nói chung cũng như mô hình của Phòng khám nói riêng.

Trong nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn thì nhóm Beta-lactam chiếm số lượng nhiều nhất với 30 danh mục (41,10%), với GTSD chiếm 39.35% tổng kinh phí sử

dụng kháng sinh. Tỷ lệ này cao hơn so với trung tâm y tế huyện Pác Nặm với 38 danh mục, giá trị sử dụng là 37.58% [4]. Trong đó, Cephalosporin là nhóm được sử dụng nhiều nhất chiếm 56.67% SKM và 71.67% GTSD. Cephalosporin thế hệ 2,3 chiếm tỷ lệ sử dụng gần 100% trong các kháng sinh nhóm Cephalosporin. Đây là kháng sinh phổ rộng, nhiều thuốc còn nhạy với vi khuẩn nên đáp ứng hiệu quả điều trị, do thói quen kê đơn của bác sĩ, tác động của dược trình viên,... Là nguyên nhân chính mà các bác sĩ ưu tiên sử dụng nhóm này. Tuy nhiên, việc sử dụng nhiều thuốc kháng sinh nhóm Cephalosporin như hiện nay là một trong những nguyên nhân dẫn tới ngày càng gia tăng vi khuẩn kháng thuốc.

Từ kết quả nghiên cứu trên, để góp phần nâng cao chất lượng xây dựng Danh mục thuốc sử dụng tại Phòng khám Quân dân Y, Trường Cao đẳng nghề số 8 trong những năm tiếp theo, đồng thời tiết kiệm chi phí sử dụng cho người bệnh, chúng tôi xin đề xuất với Hội đồng thuốc và điều trị một số kiến nghị sau: (1) Cần xem xét sử dụng hợp lý nhóm kháng sinh Cephalosporin thế hệ thứ 2, 3. (2) Cần xem xét thay thế 1 số kháng sinh đường tiêm bằng đường uống.

5. KẾT LUẬN

Phân tích danh mục thuốc tại phòng khám gồm 346 SKM với tổng GTSD hơn 7,22 tỷ VND với thuốc tân dược chiếm phần lớn. Theo nhóm tác dụng dược lý, nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn chiếm tỷ lệ cao nhất với 73 khoản mục, chiếm 36.74% GTSD cho thấy phòng khám có xu hướng lạm dụng kháng sinh trong điều trị. Ngoài ra, phòng khám đã ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước (94.22%).

LỜI CẢM ƠN

Xin chân thành cảm ơn các Y, Bác sĩ, lãnh đạo phòng Khám Quân dân y -Trường Cao đẳng nghề số 8 đã hợp tác, hỗ trợ chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Y tế, *Thông tư 30/2018/TT-BYT ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế*, 2018.

[2] Bộ Y tế, *Thông tư 05/2015/TT-BYT ban hành danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế*, 2015.

[3] Phạm Lê Phương Anh, *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa khu vực*

Cử Chi TP HCM năm 2018, luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2018.

[4] Hoàng Thị Thu Hương, *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn năm 2018*, luận văn Dược sĩ chuyên khoa I, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2018.

[5] Bùi Thị Hiền, *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang năm 2016*, Luận văn dược sĩ CKI, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2017.

[6] Lã Thị Linh, *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang năm 2016*, Luận văn dược sĩ CKI, Trường Đại học Dược Hà Nội, 2017.

Analyze of the list of drugs used at the Military Medical Clinic of the Vocational College No.8 in 2019

Phung Duc Truyen, Nguyen Thi Huong, Nguyen Thi Anh Nguyet, Nguyen Thi Mai and Nguyen Thi Thu Thoa

ABSTRACT

Background: To improve the efficiency of drug use and save costs in drug supply, analysis of the drug list is very necessary to identify the shortcomings in drug use, thereby making recommendations. recommendations and proposals to help policy-promulgating agencies develop a reasonable list of drugs. Objective: Analyze of the list of drugs used at the Military Medical Clinic of the Vocational College No.8 in 2019. Materials and method: Cross-sectional description based on retrospective list of drugs used at the clinic from January 1, 2019 to December 31, 2019. Result and Discussion: There were 346 categories used in 2019 at the clinic with western medicine accounting for 88.44%, traditional medicine accounting for 11.56%. The group of drugs for the treatment of parasites and infections with the highest 73 lists is the beta-lactam group, specifically the cephalosporin group (17 SKM). Most of the clinics use domestically produced drugs with 326 items and oral drugs with 299 items. The group of drugs to treat parasites and infections is used by injection - infusion, the first group of drugs is the quinolone group (3 SKM). Conclusion: Analysis of the drug list at the clinic included 346 SKM with a total value of more than 7.22 billion VND with modern drugs accounting for the majority.

Keywords: western medicine, traditional medicine, the drug list, total value

Received: 03/04/2023

Revised: 21/04/2023

Accepted for publication: 21/04/2023